

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường giằng co trên ngưỡng 1,300 cả ngày hôm nay trước khi giảm mạnh vào cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,279.91 điểm, giảm gần 22 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Truyền thông, Dầu khí, Dịch vụ tài chính... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Phiên giảm điểm hôm nay có thanh khoản khá lớn. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể trở lại giao dịch trong vùng 1,275 – 1,285.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/06/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-21.60** điểm, đóng cửa tại **1279.91** điểm. HNX-Index **-4.39** điểm, đóng cửa tại **243.97** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HVN (+1.00)**, **LPB (+0.59)**, **FPT (+0.32)**, **CTR (+0.30)**, **SSB (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-2.19)**, **VPB (-1.43)**, **CTG (-1.43)**, **VCB (-1.25)**, **BID (-1.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,713** tỷ đồng, tăng **25.62%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,310 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 25.11 điểm. Thị trường có **89** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **366** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-571.24** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-148.49 tỷ)**, **VHM (-122.82 tỷ)**, **MWG (-93.09 tỷ)**, **VRE (-71.90 tỷ)**, **VIC (-70.29 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **32.16** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.52%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTR (+6.98%)**, **VHC (+1.97%)**, **MBB (+1.95%)**.
- BSC50 **+0.04%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+3.64%)**, **TPB (+2.98%)**, **PDR (+1.94%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.52%	0.04%	0.10%	0.15%
1 tuần	1.94%	1.40%	1.30%	2.27%
1 tháng	1.98%	1.46%	1.36%	1.80%
3 tháng	0.96%	-0.64%	-0.79%	-0.18%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,279.91	243.97	98.05
% 1D	-1.66%	-1.77%	-0.98%
GTGD (tỷ VND)	26,713	2,087	2,127
%1D	25.62%	33.45%	76.93%
GDNN (tỷ VND)	-571.24	32.16	-45.60

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	74.44	FPT	-148.49
MSN	72.46	VHM	-122.82
DGC	63.26	MWG	-93.09
HAH	57.26	VRE	-71.90
HVN	47.95	VIC	-70.29

Thị trường thế giới

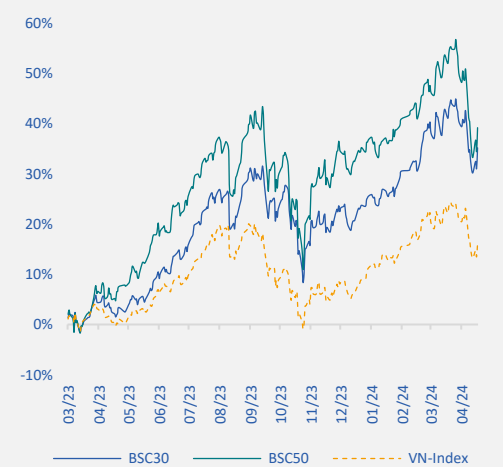
		%D	%W
SPX	5,434	0.23%	1.51%
FTSE100	8,146	-0.22%	-1.21%
Eurostoxx	4,892	-0.99%	-3.28%
Shanghai	3,033	0.12%	-0.53%
Nikkei	38,855	0.36%	0.50%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	82.33	-0.51%
Giá vàng	2,304	-1.09%
Tỷ giá		
USD/VND	25,461	0.02%
EUR/VND	28,063	-0.65%
JPY/VND	168	1.20%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



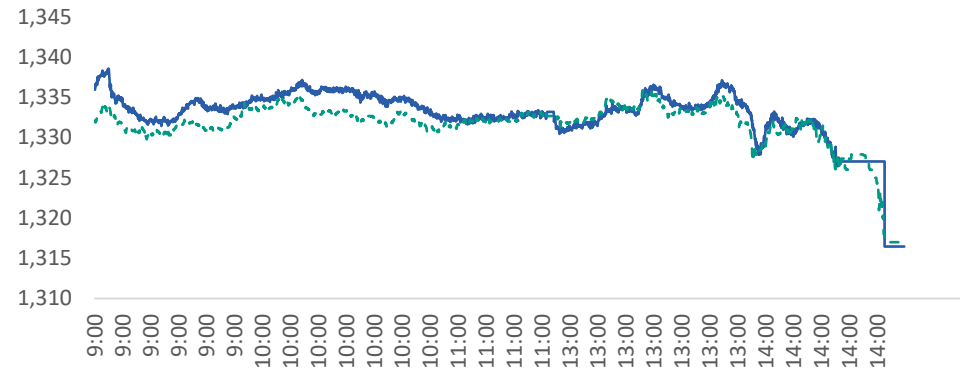
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1322	-0.97%	139	25.23%	19/09/2024	97
VN30F2412	1320.5	-1.09%	23	21.1%	19/12/2024	188
VN30F2407	1319.9	-1.12%	1707	-19.90%	18/07/2024	34
VN30F2406	1317	-1.35%	204010	-0.42%	20/06/2024	6

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -17.39 điểm, đóng cửa tại 1316.46 điểm. Biên độ dao động 22.13 điểm. Các cổ phiếu như VPB, STB, VIC, HPG, MBB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán khiến VN30 giảm mạnh cuối phiên. Nhà đầu tư nên chú ý đến basic và giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2407, VN30F2406, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2406,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2307	05/08/2024	52	23,900	-56.94%	3.30	4,600	4.5%	11.81	21.14	49.10	49.10
CTCB2312	15/07/2024	31	100	-55.99%	3.16	6,340	3.9%	15.79	21.61	49.10	49.10
CFPT2310	05/08/2024	52	5,400	-40.85%	8.45	8,730	2.0%	15.51	77.48	131.00	131.00
CFPT2313	09/08/2024	56	602,500	-51.37%	10.00	5,370	1.9%	12.11	63.70	131.00	131.00
CFPT2316	22/07/2024	38	62,800	-39.92%	8.20	7,050	1.4%	12.28	78.70	131.00	131.00
CFPT2314	09/01/2025	209	539,400	-48.02%	10.00	5,810	0.9%	12.13	68.10	131.00	131.00
CTCB2309	25/09/2024	103	65,600	-60.32%	3.39	5,530	0.5%	15.72	19.48	49.10	49.10
CFPT2318	15/07/2024	31	900	-51.83%	9.90	6,650	0.5%	15.14	63.10	131.00	131.00
CFPT2317	21/11/2024	160	454,700	-52.21%	10.10	3,500	0.0%	8.07	62.60	131.00	131.00
CHPG2342	21/11/2024	160	400,200	-62.21%	2.18	970	-1.0%	2.97	11.00	29.10	29.10
CTCB2401	19/06/2024	5	200	-61.25%	3.30	8,110	-1.1%	23.62	19.03	49.10	49.10
CTCB2310	09/10/2024	117	3,576,500	-58.64%	3.39	2,180	-2.7%	5.90	20.31	49.10	49.10
CMBB2318	23/09/2024	101	309,500	-65.10%	1.76	1,610	-3.0%	5.46	8.06	23.10	23.10
CVIB2306	23/08/2024	70	71,600	-61.32%	1.61	3,760	-3.3%	11.08	8.70	22.50	22.50
CACB2304	25/09/2024	103	94,200	-67.76%	1.93	2,380	-3.6%	9.00	7.93	24.60	24.60
CMWG2318	22/07/2024	38	175,600	-59.43%	4.20	3,560	-3.8%	9.80	25.56	63.00	63.00
CMWG2314	09/01/2025	209	356,600	-65.08%	5.20	1,680	-4.0%	5.79	22.00	63.00	63.00
CACB2306	22/07/2024	38	180,700	-67.49%	1.85	2,440	-4.3%	9.03	8.00	24.60	24.60
CMWG2316	23/08/2024	70	93,600	-66.38%	4.80	2,730	-5.2%	9.71	21.18	63.00	63.00
CPDR2305	26/06/2024	12	86,700	-64.08%	1.83	2,040	-10.1%	6.58	9.20	25.60	25.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 14/06/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2312 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 40.00%. CTCB2310 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.13%.
- CFPT2316, CFPT2310, CFPT2314, CFPT2313, và CFPT2318 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2312, CTCB2309, CFPT2310, và CFPT2318 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	131.00	0.77%	1.11
SSB	22.00	1.38%	0.42
BCM	62.80	-2.48%	-0.07
VHM	38.20	-0.13%	-0.07
BVH	44.50	-2.73%	-0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	131.00	-3.86%	-3.49
STB	22.00	-3.48%	-2.04
VIC	62.80	-2.78%	-1.36
HPG	38.20	-1.36%	-1.29
MBB	44.50	-1.91%	-1.29

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	30.60	5.88%	1.00	2.21
LPB	27.50	3.38%	0.59	2.56
FPT	131.00	0.77%	0.32	1.27
CTR	152.30	6.88%	0.30	0.11
SSB	22.00	1.38%	0.19	2.50

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	63.90	2.24%	0.14	0.13
THD	35.20	1.15%	0.11	0.38
VIF	16.40	2.50%	0.11	0.35
BCC	9.10	9.64%	0.08	0.12
BTS	6.00	9.09%	0.05	0.12

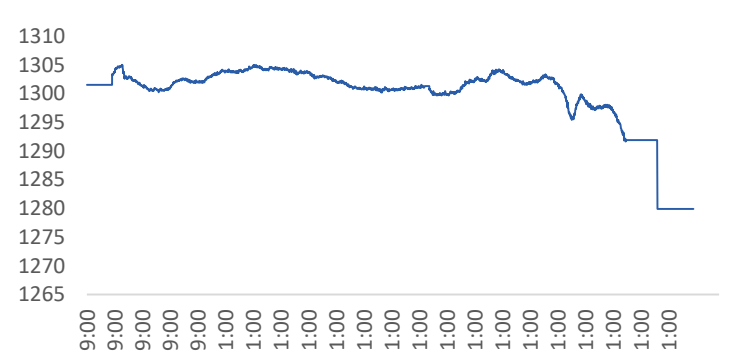
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	8.60	6.98%	0.00	0.01
CTR	142.50	6.88%	0.30	0.96
SMA	9.10	6.81%	0.00	0.00
HTN	13.30	6.77%	0.02	4.43
TTE	11.15	6.73%	0.01	0.00

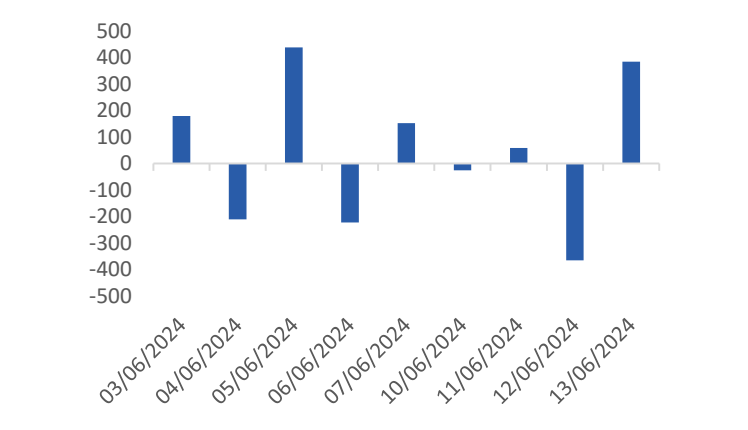
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GDW	27.50	9.82%	0.11	0.01
BCC	8.30	9.64%	0.41	1.32
ATS	16.70	9.58%	0.02	0.01
UNI	9.40	9.57%	0.06	0.17
BXH	17.80	9.55%	0.02	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	33.00	-6.65%	-2.19	4.00
VPB	18.70	-3.86%	-1.43	7.93
CTG	32.80	-3.24%	-1.43	5.37
VCB	87.50	-1.02%	-1.25	5.59
BID	47.50	-1.76%	-1.19	5.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	43.70	-3.53%	-0.54	0.48
HUT	17.60	-4.35%	-0.50	0.89
SHS	18.70	-3.61%	-0.40	0.81
MBS	33.90	-3.42%	-0.37	0.44
IDC	62.50	-2.04%	-0.31	0.33

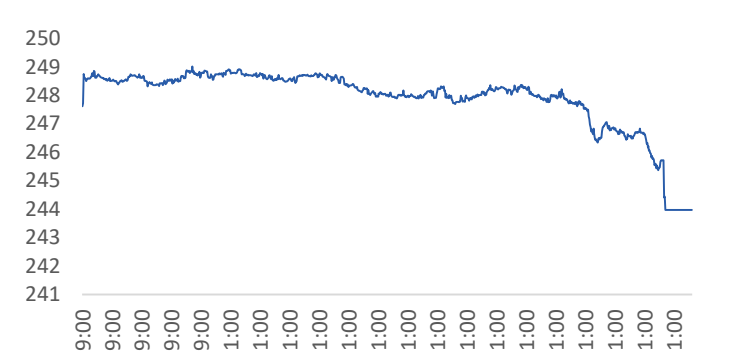
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
APH	9.90	-6.97%	-0.04	4.50
FIR	7.93	-6.94%	-0.01	0.95
DPG	62.00	-6.94%	-0.06	1.59
VTO	13.70	-6.93%	-0.02	2.89
CMX	9.81	-6.93%	-0.02	1.01

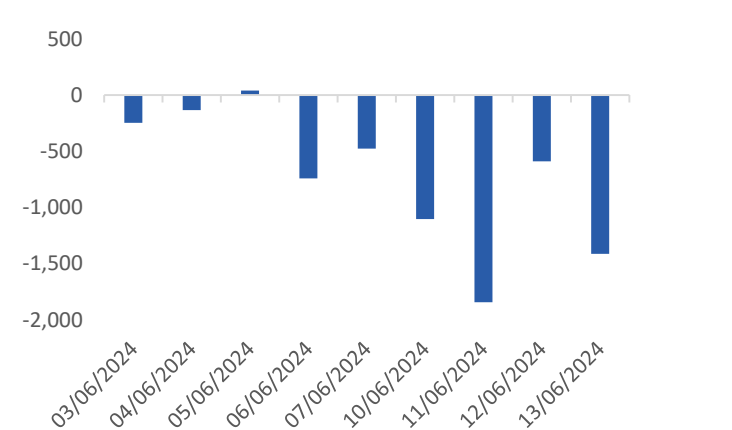
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L43	56.40	-9.93%	-0.19	0.00
HMR	31.40	-9.87%	-0.06	0.13
TKG	4.10	-9.76%	-0.01	0.10
NHC	31.90	-9.72%	-0.03	0.00
HTP	10.30	-9.71%	-0.32	0.08

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	87.5	-1.00%	0.6	19,227	8.5	5,838	15.0	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	47.5	-1.80%	1.0	10,646	4.2	3,841	12.4	-	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.7	-3.90%	1.0	5,833	26.4	1,397	13.4	-	27.1%	Link
TCB	Ngân hàng	49.1	-0.60%	1.1	6,800	19.0	5,600	8.8	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.1	-1.90%	1.0	4,819	23.2	3,818	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.6	-3.50%	1.0	2,264	19.1	4,206	7.3	-	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.8	-3.20%	1.2	6,925	13.4	3,751	8.7	-	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	-0.80%	0.8	4,320	10.7	4,072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	36.1	-1.10%	1.2	2,142	37.9	1,704	21.2		43.2%	Link
IDC	Xây dựng	62.5	-2.00%	1.2	811	3.5	5,880	10.6	65,700	17.6%	Link
HPG	VLXD	29.1	-1.40%	1.2	7,318	39.2	1,601	18.2	41,500	24.5%	Link
HSG	VLXD	23.6	-3.50%	1.7	570	16.1	1,423	16.5	-	22.1%	Link
VHM	BĐS	38.2	-0.10%	1.1	6,540	12.9	5,074	7.5	108,300	22.4%	Link
KDH	BĐS	37.5	-2.80%	1.4	1,178	5.9	726	51.7	44,500	38.0%	Link
NLG	BĐS	42.1	-4.50%	1.5	637	3.4	1,040	40.5	-	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	121.7	-1.30%	1.4	1,817	14.0	7,845	15.5	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	37.5	-3.80%	1.3	780	13.6	2,313	16.2	46,100	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	79.0	-1.50%	0.6	7,134	7.1	4,688	16.9	-	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	43.7	-3.50%	1.0	821	12.0	1,992	21.9	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	31.2	-3.10%	1.2	682	7.8	1,200	26.0	38,400	23.3%	Link
POW	Dầu khí	13.8	-2.80%	0.8	1,266	8.5	350	39.3	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.8	-3.50%	1.2	660	4.3	3,774	19.8	108,500	32.2%	Link
GMD	Logistics	83.0	-2.40%	0.9	1,013	6.7	8,430	9.8	90,400	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	66.2	-1.00%	0.7	5,440	10.7	4,408	15.0	93,100	50.5%	Link
MSN	Bán lẻ	78.0	-0.80%	1.3	4,617	27.7	215	362.2	-	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	63.0	-1.60%	1.4	3,622	20.1	717	87.8	-	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.8	-1.50%	1.0	1,260	3.2	5,860	16.3	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.1	-3.70%	1.8	414	7.4	2,200	28.7	66,600	23.4%	Link
FPT	Bán lẻ	131.0	0.80%	1.0	7,522	33.0	5,335	24.6	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	152.3	6.90%	1.2	685	5.8	4,582	33.2	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.0	-0.60%	0.9	2,742	6.9	3,809	6.3	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.5	-1.70%	1.2	2,244	5.9	3,315	6.8	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.6	-1.80%	1.2	1,614	8.7	2,050	9.1	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.8	-2.60%	1.2	1,164	2.9	2,310	6.4	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.5	-3.10%	1.0	1,266	6.2	1,147	16.1	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.9	-2.20%	1.6	800	17.0	1,175	24.6	2.4	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	49.0	-3.40%	1.8	843	18.8	1,409	34.8	2.6	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	17.8	-1.70%	1.5	1,068	11.6	2,057	8.7	1.3	22.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	58.0	-3.70%	1.7	462	2.8	2,208	26.3	2.4	40.4%	9.0%
SHS	Chứng khoán	18.7	-3.60%	1.7	598	14.1	1,076	17.4	1.4	13.2%	5.7%
CTD	Xây dựng	72.6	-1.10%	1.2	285	5.6	2,709	26.8	0.9	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.2	-0.80%	1.5	213	2.7	833	15.8	0.6	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	-0.80%	1.6	91	2.6	655	18.2	0.9	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.0	-2.70%	1.1	297	4.8	1,515	27.7	2.5	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	92.0	-2.50%	1.3	658	2.1	5,701	16.1	4.4	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	61.0	-2.20%	1.1	325	0.8	3,448	17.7	2.2	15.8%	18.3%
DIG	BĐS	27.4	-2.80%	1.9	657	14.5	(38)	-713.7	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS	18.3	-2.10%	1.3	370	3.5	312	58.7	1.6	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.3	-3.30%	1.6	914	8.6	1,262	24.0	1.3	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.5	-2.30%	1.2	961	1.6	2,746	19.8	3.0	5.4%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.0	-6.60%	1.5	5,190	7.1	628	52.6	2.6	0.3%	6.2%
NKG	VLXD	25.7	-3.40%	1.6	266	10.0	1,222	21.0	1.2	16.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	107.0	0.00%	0.9	344	0.7	11,594	9.2	3.0	85.9%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.0	-5.10%	1.5	223	3.7	865	17.3	1.3	5.9%	10.3%
DXG	BĐS	16.5	-2.40%	1.9	468	4.1	420	39.3	1.1	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	21.4	-1.20%	1.3	1,916	8.7	1,966	10.9	1.3	26.6%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.6	-2.70%	1.7	879	7.7	964	26.5	2.0	7.4%	7.2%
DIG	Bất động sản	27.4	-2.80%	1.9	657	14.5	(38)	-713.7	2.2	5.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.6	-4.30%	1.4	618	3.6	73	240.9	1.6	1.6%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.9	-2.00%	1.4	-	0.5	433	22.9	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	69.1	-4.30%	1.6	120	5.0	4,370	15.8	2.1	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	41.4	-1.30%	1.1	131	0.5	3,461	12.0	1.7	35.8%	17.2%
DRC	Cao su	34.2	-1.90%	0.8	160	2.1	2,286	15.0	2.1	13.6%	13.2%
PC1	Điện	28.3	-3.10%	1.3	346	6.1	651	43.5	1.7	8.5%	4.1%
HDG	BĐS	32.4	-6.50%	1.3	390	24.5	2,061	15.7	1.6	22.8%	12.9%
GEX	Điện	23.7	0.00%	1.8	793	33.5	625	37.9	1.6	12.6%	4.1%
QTP	Điện	16.7	-1.20%	0.6	-	0.3	1,549	10.8	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	40.5	-4.00%	0.9	2,023	5.6	2,570	15.8	1.9	17.1%	10.7%
BSR	O&G	22.8	-1.70%	1.1	-	12.0	2,588	8.8	1.2	0.8%	15.6%
PLC	O&G	28.6	-0.30%	1.5	91	0.7	1,112	25.7	1.7	1.2%	8.4%
ANV	Thủy sản	33.0	-5.60%	1.4	173	4.4	(252)	-130.7	1.5	3.0%	1.5%
PTB	Gỗ	73.5	-3.90%	0.7	193	0.4	4,765	15.4	1.8	20.9%	10.6%
VSC	Logistics	22.2	-4.10%	1.5	233	12.7	532	41.7	2.0	3.0%	6.2%
HAH	Logistics	48.0	-2.00%	1.4	199	16.6	3,081	15.6	1.9	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	86.8	5.10%	1.4	416	17.1	2,980	29.1	6.5	6.8%	25.6%
DBC	Logistics	35.2	-3.00%	1.7	335	10.4	1,729	20.4	1.8	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	174.0	-1.70%	0.8	932	5.4	(2,215)	-78.5	14.1	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.3	-1.20%	0.7	-	1.7	6,737	7.3	2.0	15.5%	27.3%
TNG	Dệt may	25.5	-5.60%	1.2	114	4.4	1,981	12.9	1.6	18.6%	12.5%
PVT	O&G	30.3	-3.50%	0.9	424	6.7	3,150	9.6	1.4	12.3%	14.3%
DPM	Phân bón	36.8	-5.20%	1.3	566	11.8	1,372	26.8	1.2	10.0%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639